



Khối
Chuyên Tin
#beit

SỐ THÍ SINH
167

ĐIỂM ĐỖ DỰ ĐOÁN
40.51

TỈ LỆ ĐỖ
20.96%

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
1	020723	Phan Hà Phương	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	9.0	8.25	8.96	9.75	45.71
2	020212	Nguyễn Hoàng Dương	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	9.5	8.0	8.88	9.0	44.38
3	090592	Trịnh Đức Phát	Trường THCS Hiền Vân	9.25	8.75	9.04	8.5	44.04
4	110431	Nguyễn Thị Ngọc Mai	THCS Đình Bảng	9.0	8.0	9.28	8.75	43.78
5	140655	Lê Đức Thắng	Trường THCS Nguyễn Cao	8.88	7.5	9.32	9.0	43.7
6	090178	Đỗ Thị Bích Đan	Trường THCS Tiên Du	9.0	9.0	8.62	8.5	43.62
7	170339	Nguyễn Đình Khoa	Trường THCS Vũ Kiệt	9.0	7.75	9.7	8.5	43.45
8	020099	Nguyễn Lại Gia Bảo	Trường THCS Thị Cầu	8.63	9.0	9.04	8.25	43.17
9	020862	Nguyễn Xuân Lan Trinh	Trường THCS Ninh Xá	8.75	9.0	9.0	8.0	42.75
10	090798	Nguyễn Minh Tuấn	Trường THCS Tiên Du	8.5	8.75	8.44	8.5	42.69
11	020366	Phạm Quốc Huy	Trường THCS Tiên Du	9.25	8.75	9.1	7.75	42.6
12	040096	Vũ Xuân Du	Trường THCS Tam Đa	8.88	7.25	8.84	8.75	42.47
13	170022	Lê Mai Anh	Trường THCS Vũ Kiệt	9.5	8.5	7.32	8.5	42.32
14	110338	Nguyễn Minh Khoa	THCS Từ Sơn	8.5	7.5	9.32	8.5	42.32
15	020875	Linh Quang Trưởng	Trường THCS Phong Khê	9.0	8.0	9.72	7.75	42.22

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
16	070481	Nguyễn Hữu Anh Minh	Trường THCS Yên Phong	8.38	8.5	9.32	8.0	42.2
17	170514	Nguyễn Thiện Nhân	Trường THCS Vũ Kiệt	9.0	8.0	8.14	8.5	42.14
18	020033	Nguyễn Bá Hoàng Anh	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toàn	8.63	8.0	9.44	8.0	42.07
19	090827	Khương Minh Vũ	Trường THCS Tri Phương	8.38	7.75	8.8	8.5	41.93
20	170796	Lê Đình Triệu Vĩ	Trường THCS Vũ Kiệt	9.0	8.5	9.38	7.5	41.88
21	170422	Nguyễn Công Mạnh	Trường THCS Vũ Kiệt	8.88	7.5	7.98	8.75	41.86
22	020359	Nguyễn Quang Huy	Trường THCS Vệ An	8.25	7.5	8.9	8.5	41.65
23	090724	Lương Minh Thư	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phật Tích	8.88	8.5	9.24	7.5	41.62
24	140456	Nguyễn Đức Tuấn Minh	Trường THCS Nguyễn Cao	9.0	7.25	7.8	8.75	41.55
25	070175	Chu Thái Duy	Trường THCS Yên Phụ	9.25	7.75	8.48	8.0	41.48
26	020925	Nguyễn Quang Vinh	Trường THCS Vũ Ninh	8.38	7.75	9.24	8.0	41.37
27	090458	Trần Đức Đại Lợi	Trường THCS Tiên Du	8.63	9.0	8.66	7.5	41.29
28	090494	Nguyễn Đình Ngọc Minh	Trường THCS Nguyễn Đình Xô	9.0	8.0	7.78	8.25	41.28
29	090757	Ngô Kiều Trang	Trường THCS Tân Chi	8.38	8.75	9.42	7.25	41.05
30	100263	Nguyễn Hữu Huy Hoàng	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toàn	8.25	7.5	9.24	8.0	40.99
31	170254	Lê Thị Hiền	Trường THCS Vũ Kiệt	9.25	7.75	8.9	7.5	40.9
32	140385	Nguyễn Thảo Linh	Trường THCS Nguyễn Cao	9.13	8.25	8.28	7.5	40.66
33	090218	Nguyễn Thu Giang	Trường THCS Tiên Du	8.25	9.0	9.38	7.0	40.63

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
34	090636	Trần Thảo Quyên	Trường THCS Tiên Du	9.13	8.0	9.0	7.25	40.63
35	020469	Trần Tùng Lâm	Trường THCS Suối Hoa	8.75	7.0	8.76	8.0	40.51
36	090346	Nguyễn Đăng Hùng	Trường THCS Liên Bảo	8.75	7.75	7.98	8.0	40.48
37	110581	Lê Trung Quyết	THCS Nguyễn Văn Cừ	9.13	8.0	8.68	7.25	40.31
38	110156	Nguyễn Công Việt Dũng	THCS Từ Sơn	8.88	8.0	9.36	7.0	40.24
39	070011	Đặng Công Nhật Anh	Trường THCS Yên Phong	8.25	8.5	8.98	7.25	40.23
40	090652	Nguyễn Đặng Công Sơn	Trường THCS Liên Bảo	8.88	8.0	8.3	7.5	40.18
41	020616	Nguyễn Ngọc Nam	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.88	8.5	9.1	6.75	39.98
42	140173	Nguyễn Minh Đạt	Trường THCS Nguyễn Cao	8.88	8.0	8.46	7.25	39.84
43	020428	Nguyễn Xuân Khoa	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.63	9.0	9.66	6.25	39.79
44	020156	Đặng Chiến Công	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	8.25	8.75	8.76	7.0	39.76
45	020105	Nguyễn Đông Bích	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	9.13	8.5	8.56	6.75	39.69
46	020519	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.88	8.75	8.52	6.75	39.65
47	090529	Đoàn Thị Ánh Ngọc	Trường THCS Nguyễn Đình Xô	8.75	8.25	8.06	7.25	39.56
48	100063	Nguyễn Trọng Tùng Bách	Trường THCS Phú Lâm	8.75	7.5	9.3	7.0	39.55
49	130659	Trần Việt San	THCS Từ Sơn	8.38	6.5	9.04	7.75	39.42
50	020179	Nguyễn Bảo Duy	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	9.38	8.0	8.26	6.75	39.14
51	070120	Nguyễn Hải Biên	Trường THCS thị trấn Chờ	8.63	7.0	7.94	7.5	38.57

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
52	020789	Dương Thanh Thảo	Trường THCS Kinh Bắc	9.0	9.0	8.48	6.0	38.48
53	210367	Nguyễn Kim Kiên	Trường Tiểu học và THCS Xuân Lai	8.0	8.5	7.68	7.0	38.18
54	020729	Nguyễn Minh Quang	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	9.13	8.5	9.52	5.5	38.15
55	140287	Nguyễn Tài Huy	Trường THCS Nguyễn Cao	8.75	8.0	8.16	6.5	37.91
56	020041	Nguyễn Hoàng Minh Anh	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	9.0	8.0	9.38	5.75	37.88
57	020628	Lý Khánh Ngân	Trường THCS Tiền An	8.38	9.0	9.38	5.5	37.76
58	090713	Nguyễn Thị Minh Thu	Trường THCS Liên Bảo	8.63	8.75	9.24	5.5	37.62
59	020704	Nguyễn Hồng Phúc	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toản	8.63	7.5	8.9	6.25	37.53
60	020127	Phùng Bảo Châu	Trường THCS Đại Phúc	8.75	7.75	9.38	5.75	37.38
61	070010	Đặng Công Đức Anh	Trường THCS Yên Phong	8.38	7.5	8.96	6.0	36.84
62	020643	Chu Thị Minh Ngọc	Trường THCS Tiền An	9.0	8.75	9.58	4.75	36.83
63	110715	Nguyễn Thanh Tùng	THCS Từ Sơn	9.0	8.25	9.58	5.0	36.83
64	020618	Vũ Hoàng Nam	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.25	7.5	9.46	5.75	36.71
65	090524	PHẠM THỊ THU NGÂN	Trường THCS Hoàn Sơn	8.75	8.5	8.3	5.5	36.55
66	090662	NGUYỄN THANH TÂM	Trường THCS Hoàn Sơn	8.63	8.0	8.92	5.5	36.55
67	100100	Nguyễn Thuỳ Chi	Trường THCS Tiên Du	8.38	8.25	8.34	5.75	36.47
68	200641	Nguyễn Vũ Thành Việt	Trường THCS Lê Văn Thịnh	9.13	8.0	8.84	5.25	36.47
69	200499	Nguyễn Huy Thái Sơn	Trường THCS Lê Văn Thịnh	9.25	8.0	8.2	5.5	36.45

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
70	090092	Đào Gia Bình	Trường THCS Nội Duệ	8.63	7.0	8.78	6.0	36.41
71	090031	Nguyễn Phương Anh	Trường THCS Tiên Du	8.75	8.75	8.9	5.0	36.4
72	020674	Nguyễn Thanh Nhật	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	9.0	8.25	6.88	6.0	36.13
73	020426	Nguyễn Đăng Khoa	Trường THCS Suối Hoa	9.25	7.0	7.78	6.0	36.03
74	020152	Tống Văn Chiến	TH&THCS Vạn An	9.0	8.0	8.94	5.0	35.94
75	210167	Nguyễn Sỹ Việt Dũng	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.88	8.5	9.38	4.5	35.76
76	090392	Nguyễn Anh Khôi	Trường THCS Phú Lâm	9.0	7.25	7.9	5.75	35.65
77	090090	Đào Đức Trí Bằng	Trường THCS Hoàn Sơn	8.88	9.0	8.76	4.5	35.64
78	110162	Nguyễn Thùy Dương	THCS Hương Mạc	8.88	8.25	8.0	5.25	35.63
79	100397	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Trường THCS Phú Lâm	7.5	7.0	8.02	6.5	35.52
80	020240	Nguyễn Bá Hải Đăng	Trường THCS Tiên An	8.63	7.75	9.1	5.0	35.48
81	030600	Nguyễn Lân Việt	Trường THCS Vũ Ninh	8.63	8.25	9.1	4.75	35.48
82	150381	Hoàng Trung Nam	TH&THCS Đức Long	8.75	7.75	7.92	5.5	35.42
83	020821	Nguyễn Thu Thủy	Trường THCS Nguyễn Đình Xô	8.5	8.0	7.38	5.75	35.38
84	020195	Nguyễn Trí Dũng	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.63	8.25	7.88	5.25	35.26
85	020393	Nguyễn Việt Hưng	Trường THCS Kinh Bắc	7.88	8.75	7.62	5.5	35.25
86	020249	Bùi Vũ Minh Đức	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.5	8.0	9.72	4.5	35.22
87	020544	Nguyễn Thành Long	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.75	7.75	9.18	4.75	35.18

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
88	140806	Trịnh Thành Vinh	Trường THCS Phố Mới	8.5	7.75	7.88	5.5	35.13
89	100708	Ngô Gia Vinh	Trường THCS Phú Lâm	8.38	8.0	8.72	5.0	35.1
90	020930	Trần Minh Vũ	TH&THCS Kim Chân	8.75	8.5	9.24	4.25	34.99
91	020032	Ngô Tuấn Anh	Trường THCS Ninh Xá	8.5	8.5	7.9	5.0	34.9
92	070306	Nguyễn Văn Hoàn	Trường THCS thị trấn Chờ	8.0	7.25	8.14	5.75	34.89
93	020899	Trần Quang Tùng	TH&THCS Vạn An	7.88	8.0	7.0	6.0	34.88
94	020753	Đặng Thái Sơn	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toản	8.0	8.0	9.32	4.75	34.82
95	210057	Nguyễn Thị Vân Anh	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.38	8.5	8.34	4.75	34.72
96	090167	Nguyễn Ánh Dương	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phật Tích	8.63	7.5	7.36	5.5	34.49
97	090532	Nguyễn Đình Ngọc	Trường THCS Tân Chi	8.0	7.25	8.68	5.25	34.43
98	200445	Đoàn Xuân Phong	Trường THCS Nhân Thắng	7.88	8.0	8.9	4.75	34.28
99	090207	Nguyễn Duy Đức	Trường THCS Việt Đoàn	7.88	8.5	8.36	4.75	34.24
100	070414	Nghiêm Phương Linh	Trường THCS thị trấn Chờ	8.0	8.25	8.46	4.75	34.21
101	020460	Nguyễn Ngọc Hải Lâm	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.75	7.5	9.38	4.25	34.13
102	070160	Nguyễn Sỹ Nam Cường	Trường THCS Yên Phong	8.5	8.0	8.54	4.5	34.04
103	070005	Trịnh Đức An	Trường THCS thị trấn Chờ	7.63	7.5	9.38	4.75	34.01
104	090412	Nguyễn Tùng Lâm	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phật Tích	8.5	8.0	8.34	4.5	33.84
105	100577	Nguyễn Đức Tài	Trường THCS Liên Bảo	8.38	7.75	7.18	5.25	33.81

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
106	200360	Bùi Trà My	Trường THCS Lê Văn Thịnh	9.25	8.5	8.54	3.75	33.79
107	020671	Trần Thiện Nhân	Trường THCS Suối Hoa	9.0	6.75	7.0	5.5	33.75
108	020340	Vũ Thanh Hoa	Trường THCS Ninh Xá	8.25	8.5	9.24	3.75	33.49
109	210568	Nguyễn Bá Gia Phát	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.5	8.25	7.24	4.75	33.49
110	110020	Lê Đức Nhật Anh	THCS Từ Sơn	8.75	7.5	8.72	4.25	33.47
111	140229	Nguyễn Minh Hải	Trường THCS Nguyễn Cao	7.38	7.5	9.04	4.75	33.42
112	020698	Tạ Đình Phong	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	7.25	7.25	9.36	4.75	33.36
113	200031	Nguyễn Thị Huyền Anh	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.25	8.25	7.24	4.75	33.24
114	070033	Nguyễn Đức Anh	Trường THCS thị trấn Chờ	7.25	7.25	8.6	5.0	33.1
115	110454	Nguyễn Tiến Quang Minh	THCS Từ Sơn	9.13	7.25	8.72	4.0	33.1
116	020833	Ngô Việt Tiến	Trường THCS Suối Hoa	7.88	8.0	7.64	4.75	33.02
117	110550	Chu Tam Thanh Phong	Trường TH&THCS Đông Ngàn	8.38	8.75	7.26	4.25	32.89
118	070268	Chu Thị Hồng Hạnh	Trường THCS Yên Phụ	8.63	8.25	7.92	4.0	32.8
119	090415	Nguyễn Thị Mai Liên	Trường THCS Liên Bảo	7.88	7.75	8.16	4.5	32.79
120	100696	Đỗ Văn Gia Uy	Trường THCS Phú Lâm	8.13	7.25	7.38	5.0	32.76
121	020367	Trần Gia Huy	Trường THCS Suối Hoa	8.38	8.25	8.56	3.75	32.69
122	220737	Nguyễn Minh Tiệp	Trường THCS Hàn Thuyên	8.63	6.5	6.06	5.75	32.69
123	200312	Vũ Thùy Linh	Trường THCS Lê Văn Thịnh	9.13	8.0	7.88	3.75	32.51

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
124	020251	Hà Quang Đức	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toản	7.88	7.5	7.06	5.0	32.44
125	110634	Đỗ Quang Thịnh	THCS Tân Hồng	8.75	8.0	6.54	4.5	32.29
126	110661	Nguyễn Hữu Gia Mình Tọa	THCS Từ Sơn	7.38	8.0	8.28	4.25	32.16
127	020005	Nguyễn Kim Hoàng An	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	8.63	8.0	8.02	3.75	32.15
128	020780	Trần Xuân Thái	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.0	7.0	7.98	4.5	31.98
129	100146	Nguyễn Văn Dũng	Trường THCS Phú Lâm	8.25	8.25	8.4	3.5	31.9
130	210351	Nguyễn Viết Nam Khánh	Trường Tiểu học và THCS Đại Bái	8.88	8.25	8.76	3.0	31.89
131	140268	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	Trường THCS Nguyễn Cao	8.13	8.0	8.98	3.25	31.61
132	040529	Tổng Văn Phong	TH&THCS Vạn An	8.75	7.75	7.1	4.0	31.6
133	020228	Bạch Tiến Đạt	Trường THCS Ninh Xá	8.63	7.25	8.64	3.5	31.52
134	020355	Hán Gia Huy	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toản	8.25	7.0	9.24	3.5	31.49
135	020764	Phan Viết Sơn	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toản	7.5	7.5	8.48	4.0	31.48
136	170761	Nguyễn Sơn Tùng	Trường TH&THCS Song Liễu	8.13	7.75	8.7	3.25	31.08
137	020110	Đỗ Bảo Châu	Trường THCS Suối Hoa	7.13	7.75	9.58	3.25	30.96
138	210410	Nguyễn Thị Linh	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.5	7.75	7.6	3.5	30.85
139	020383	Nguyễn Viết Hùng	Trường THCS Tiền An	8.88	8.5	9.44	2.0	30.82
140	140128	Nguyễn Đăng Danh	Trường THCS Nguyễn Cao	8.0	9.0	7.12	3.25	30.62
141	090100	Trần Ngọc Bảo Châm	Trường THCS Liên Bảo	8.38	8.5	7.04	3.25	30.42

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
142	110636	Nguyễn Quốc Thịnh	THCS Từ Sơn	9.25	7.25	8.26	2.75	30.26
143	020344	Nguyễn Đình Trọng Hoàng	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toàn	8.75	8.5	7.38	2.75	30.13
144	210379	Nguyễn Đức Kỳ	Trường Tiểu học và THCS Quỳnh Phú	8.38	5.5	7.96	4.0	29.84
145	190230	Lê Hoàng Hải		8.13	8.0	4.04	4.75	29.67
146	100253	Nguyễn Hiền	Trường THCS Phú Lâm	8.75	7.5	7.34	3.0	29.59
147	220626	Nguyễn Hải Quân	Trường THCS Hàn Thuyên	8.75	8.0	6.26	3.25	29.51
148	100356	Nguyễn Anh Khoa	Trường THCS Phú Lâm	7.75	7.75	7.98	3.0	29.48
149	020466	Nguyễn Tùng Lâm	Trường THCS Suối Hoa	7.13	7.0	8.54	3.25	29.17
150	110331	Trần Nam Khánh	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT	7.88	7.0	8.3	2.75	28.68
151	070553	Nguyễn Đức Vũ Ninh	Trường THCS Yên Phong	7.5	8.0	7.14	3.0	28.64
152	020568	Đào Nhật Minh	Tiểu học&THCS Trần Quốc Toàn	8.0	7.5	6.24	3.0	27.74
153	100413	Nguyễn Thạc Long	Trường THCS Tiên Du	7.63	7.75	6.78	2.75	27.66
154	090756	Lê Thị Quỳnh Trang	Trường THCS Nguyễn Đình Xô	8.25	7.0	7.0	2.5	27.25
155	110568	Đàm Đức Phước	THCS Từ Sơn	8.0	6.25	8.94	2.0	27.19
156	200126	Trần Tiến Dũng	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.13	7.75	6.26	2.5	27.14
157	210491	Nguyễn Đăng Nam	Trường Tiểu học và THCS Song Giang	7.13	8.25	7.12	2.25	27.0
158	040699	Nguyễn Minh Tùng	Trường THCS Tiền An	8.25	7.5	3.74	3.5	26.49
159	200512	Trần Danh Thao	Trường THCS Lê Văn Thịnh	7.75	7.25	6.56	2.25	26.06

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
160	020402	Nguyễn Bảo Khang	Trường THCS Tiền An	7.13	7.0	8.42	1.75	26.05
161	070315	Vũ Huy Hoàng	Trường THCS Yên Trung	8.0	7.0	4.44	3.25	25.94
162	090743	Nguyễn Văn Việt Tiến	Trường THCS Liên Bảo	7.25	7.75	6.24	1.5	24.24
163	090058	Nguyễn Vũ Anh	Trường THCS Tiên Du	7.25	7.75	7.6	0.75	24.1
164	090227	HOÀNG THỊ THU HÀ	Trường THCS Hoàn Sơn	8.25	7.0	5.66	1.25	23.41
165	020254	Nguyễn Hoàng Đức	Trường THCS Ninh Xá	6.25	7.5	3.66	1.5	20.41
166	020378	Hoàng Tiến Hùng	Trường THCS Ninh Xá	7.13	6.0	4.16	0.25	17.79
167	020227	Nguyễn Quang Đại	Trường THCS Đại Phúc	8.25	7.75	8.18	0.0	0.0